TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DS-ST
Ngày: 09-5-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1/- Ông Nguyễn Hoàng Tiến
2/- Ông Phan Hữu Trí
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày **09** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2017/TLST–DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1980 (có mặt).
Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Thanh B**,** sinh năm: 1978 (vắng mặt).
- Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1979 (vắng mặt).
Cùng cư trú: Tổ A, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 06-11-2017, biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Vào khoảng tháng 11/2009 chị có cho chị L vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để lo cho gia đình, vợ chồng anh B, chị L cho người khác vay lại để kiếm lời, anh B là người đi cho vay, có thỏa thuận lãi là 70.000đ/1.000.000đ tương đương 7%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 40.000.000đ x 7% = 2.800.000đ và có thỏa thuận thời hạn 1 năm sẽ trả toàn bộ số tiền vốn cho chị. Đến tháng 5/2010 chị L tiếp tục vay thêm của chị số tiền là 5.000.000đ, lãi suất 7%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 7% x 5.000.000đ = 350.000đ và có thỏa

thuận thời hạn trả cùng với số nợ 40.000.000đ. Từ khi vay đến nay phía vợ chồng anh B, chị L có đóng lãi cho chị được khoảng 1 năm (khoảng tháng 12/2010), nhưng lâu quá chị không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Khi đến hẹn nhưng vợ chồng anh B, chị L không trả nợ nên chị có gửi đơn tại UBND thị trấn C, tại buổi hòa giải chị L hứa trả cho chị mỗi tháng 700.000đ đến khi hết nợ, chị L có trả cho chị được 16 tháng x 700.000đ = 11.200.000đ thì ngưng không trả nữa. Tiếp đó chị gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, chị Loan hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị số tiền 500.000đ đến khi hết nợ nên chị làm đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ (theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 78/2014/QĐST-DS ngày 08/5/2014), chị L có trả cho chị được 10 tháng x 500.000đ = 5.000.000đ, lần trả cuối cùng vào ngày 17/7/2017. Như vậy, chị L có trả cho chị tổng cộng số tiền vốn là 16.200.000đ, còn nợ lại số tiền là 28.800.000đ.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B phải trả cho chị một lần số tiền là 28.800.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại tờ cam kết ngày 18/12/2017 bị đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị xác nhận còn thiếu nợ chị Trần Thị D và hứa với pháp luật sẽ trả hàng tháng cho chị D theo đúng cam kết mà chị đã hứa, nhưng do kinh tế đang gặp khó khăn, đông lạnh không hoạt động mạnh nên chị đã đi làm ăn xa, công việc ở Đồng Nai cũng phức tạp và nhiều khó khăn hơn và chưa ổn định, qua năm 2018 công việc và tiền lương của chị ổn định và có tăng ca chị xin hứa và cam kết trả tiền cho chị D theo đúng cam kết, chị sẽ trả cho chị D 3 năm cho đến khi trả đủ số nợ mà chị đã thiếu của bà D, khi qua tháng 4/2018 (âm lịch) chị sẽ gửi cho chị D số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) nhưng sẽ gửi về Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang để xác nhận cho chị và chuyển đến tay chị D, nếu chị không thực hiện đúng lời hứa trong tờ cam kết thì chị xin chịu trách nhiệm theo pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Bích L là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Bích L.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị D khởi kiện chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay tổng cộng là 28.800.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng). Tuy phía chị L, anh B đều vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như biên bản hòa giải ngày 26/9/2012 của UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, chị L trình bày: "Tôi thừa nhận có vay tiền của bà D số tiền 45.000.000đ, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả 1 lần, tôi cam kết mỗi tháng sẽ trả 700.000đ cho đến khi hết số tiền 45.000.000đ. Thời gian trả bắt đầu tính từ ngày 13/10/2012" và tại tờ cam kết ngày 18/12/2017 chị L cũng thừa nhận có nợ chị D và hứa trả đúng theo cam kết….Điều này cho thấy hợp đồng vay tài sản giữa chị D và chị L thực tế có xảy ra, theo chị D trình bày qua nhiều lần trả mỗi tháng 700.000đ, sau đó 500.000đ/tháng chị L và anh B đã trả được 16.200.000đ còn nợ lại 28.800.000đ chưa thanh toán và chị có cung cấp được sổ ghi lại các lần trả, ngày tháng trả…Tuy anh B là chồng của chị L không có ký tên vào các giấy tờ vay tiền, nhưng theo chị D trình bày anh B biết việc chị L vay tiền, do anh B không biết chữ, nên không ký tên, số tiền chị L vay được dùng để lo cho gia đình, cho người khác vay lại kiếm lời, anh B là người đi cho vay, sau khi chị L vở nợ bỏ đi thì anh B hứa bán được nhà sẽ trả cho chị, nhưng khi bán được nhà thì không trả. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 ông Nguyễn Minh T cho biết anh Nguyễn Thanh B không biết chữ là phù hợp với lời khai của chị D.

Từ những chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B có vay tiền của chị D là thật và hiện còn nợ 28.800.000 đồng, do đó trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét thấy, trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi đúng định kỳ. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc chị L, anh B phải có nghĩa vụ trả nợ 1 lần theo yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày phía bị đơn có đóng lãi với lãi suất theo thỏa thuận là 7%/tháng đến cuối tháng 12/2010 thì ngưng không đóng nữa nhưng không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng cụ thể là bao nhiêu, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 28.800.000đ không yêu cầu tính lãi. Xét thấy nếu tính lãi từ khi vay đến nay theo lãi suất quy định của pháp luật thì số tiền lãi cao hơn số tiền bị đơn đã đóng, do đó không nên điều chỉnh và chấp nhận yêu cầu nguyên đơn không tính lãi theo hướng có lợi cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Các điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 99, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị D số tiền là 28.800.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B phải chịu 1.440.000đ (một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị D được hoàn lại 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003164 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (9/5/2018). Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Thanh B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện C;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hoa